

kinh doanh và sử dụng giống vật nuôi phải thực hiện việc kiểm dịch theo quy định của pháp luật về thú y.

Chương VI

THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 30. Thanh tra giống vật nuôi

Thanh tra giống vật nuôi là thanh tra chuyên ngành.

Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 31. Giải quyết tranh chấp quyền tác giả giống vật nuôi

Tranh chấp quyền tác giả giống vật nuôi do Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Điều 33. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Chủ tịch

Nguyễn Văn An

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 về tin dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 về tin dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 về tin dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3879/BNN-KH ngày 19 tháng 12 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mục đích tin dụng

Cơ chế tin dụng này nhằm thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000 của Thủ

tướng Chính phủ; bao gồm các loại dự án sau:

1. Các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sạch bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch;

2. Các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, gồm: hố xí hoặc hố xí kèm bể biogaz, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; xử lý nước thải, rác thải khu vực làng nghề nông thôn.

Điều 2. Thời gian và phạm vi thực hiện

Từ nay đến năm 2005, thực hiện thí điểm tại 10 tỉnh, gồm: Sơn La, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Khánh Hòa, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tiền Giang và Kiên Giang. Từ năm 2006 thực hiện mở rộng ra các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Điều 3. Đối tượng được hưởng tín dụng

1. Hộ gia đình định cư hợp pháp tại địa phương thuộc khu vực nông thôn chưa có nước sạch hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn và chưa bảo đảm vệ sinh; có đơn xin vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; có cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ đúng hạn và được chính quyền cấp xã xác nhận thì:

a) Được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Mức vốn cho vay đối với mỗi loại công trình tối đa là 4 triệu đồng/hộ.

c) Lãi suất, thời hạn, điều kiện, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay và xử lý rủi ro thực hiện theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

d) Trong thời gian chưa trả hết nợ, hộ dân không được tự động bán, chuyển nhượng, cầm cố công trình cho người khác.

Trường hợp các hộ dân bán, chuyển nhượng nhà, đất có chung hoặc có riêng các công trình này thì phải có cam kết trả nợ, được Ủy ban nhân dân xã và Ngân hàng Chính sách xã hội xác nhận, với nguyên tắc người bán phải trả được nợ hoặc người mua phải thừa kế số nợ này.

2. Các tổ chức kinh tế là chủ đầu tư các dự án đầu tư mới hoặc nâng cấp, cải tạo các công trình cấp nước sạch thuộc khu vực nông thôn được Quỹ hỗ trợ phát triển cho vay, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 4. Nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn huy động theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm.

2. Nguồn ODA dành cho Chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung nhiệm vụ và nguồn vốn năm 2004 cho Quỹ hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay theo đúng quy định.

Điều 5. Cấp bù chênh lệch lãi suất và bù lỗ

Ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất cho Quỹ hỗ trợ phát triển và bù lỗ cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo kế hoạch được giao hàng năm.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan liên quan và Quỹ hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn và tổ chức chỉ đạo thực hiện tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tổng hợp nhu cầu tín dụng về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; để Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ.

Định kỳ 6 tháng và hàng năm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối

hợp với Bộ Tài chính lập dự toán ngân sách nhà nước và tổng mức tín dụng, mức cấp bù chênh lệch lãi suất và bù lỗ hàng năm cho Quỹ hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo Quyết định này; trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch hàng năm cho hai tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo thực hiện tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn theo đúng quy định.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội bảo đảm cho vay đúng đối tượng, đúng chính sách; thu hồi nợ của các đối tượng vay vốn.

Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải